

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/DS- ST

Ngày: 30-9- 2021

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sửu
2. Ông Hoàng Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xử án- Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/QĐST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam (sau gọi là Ngân hàng).

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 H, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Đơn vị được uỷ quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk, do ông: Văn Thanh C, người đứng đầu Chi nhánh làm đại diện (Văn bản uỷ quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của người đại diện theo pháp luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam về việc uỷ quyền tham gia tố tụng).

Người đại diện khởi kiện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn C; chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh B Đắk Lắk (Văn bản uỷ quyền số: 1193/BIDV.BĐL ngày 10 tháng 09 năm 2019 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk (nay là Chi nhánh B) về việc uỷ quyền lại tham gia tố tụng).

Người được uỷ quyền lại: Ông Hoàng Văn Kh - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch E thuộc Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh B (Văn bản uỷ quyền

số 1915/BIDV.BĐL ngày 21 tháng 12 năm 2020 và số 1093/BIDV.BĐL ngày 29/6/2021). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Hữu T, sinh năm 1972; Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thuỳ D; Cùng trú tại: Thôn 6, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 29 tháng 06 năm 2018, vợ chồng ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H có ký đồng tín dụng số: 01/2018/8987302/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh B) - Phòng Giao dịch E để vay số tiền là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng); lãi suất cho vay trong hạn 11,9%/năm và được điều chỉnh lãi suất cho vay của BIDV tại thời điểm điều chỉnh; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 29/06/2018, ngày đến hạn trả nợ là ngày 29/06/2019.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng nói trên, ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2018/6230070/HĐBĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng Giao dịch E, tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BX 448833 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 09 tháng 10 năm 2015, đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.965,0 m² (Đất ở 400,0 m²; Đất đất trồng cây lâu năm 2565,0 m²); địa chỉ thửa đất tại thôn 6, xã Ea Hiao, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến thời hạn trả nợ, mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu, nhưng ông T và bà H lần tránh, không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như điều khoản đã ký kết. Do vậy, ngân hàng khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông T và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng giao dịch E tổng số tiền là **325.615.356 đồng**. Trong đó nợ gốc 220.000.000 đồng; nợ lãi và phí chậm trả tạm tính đến ngày 30/9/2021 là: 105.615.356 đồng; cụ thể: nợ lãi trong hạn: 26.180.000 đồng, đã trả 8.750.575 đồng, còn lại 17.429.425 đồng; nợ lãi quá hạn: 88.653.370 đồng, đã trả 4.000.000 đồng, còn lại 84.653.370 đồng; Phí chậm trả lãi: 3.532.561 đồng.

- Buộc vợ chồng ông T và bà H phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết;

- Tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2018/6230070/HĐBĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng giao dịch E đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài nội dung trên, Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T và bà H, lần tránh không tham gia tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, toà án tiến hành xem xét thẩm định tài sản tranh chấp trong vụ kiện. Tại thời điểm xem xét thẩm định tài sản, trên diện tích đất tranh chấp có vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thuỳ D đang canh tác. Toà án đã tiến hành làm việc với ông Th, bà D về việc yêu cầu độc lập giải quyết quyền lợi của ông Th và bà D nhưng ông Th và bà D trình bày ý kiến không yêu cầu giải quyết quyền lợi trong vụ án này, đồng thời không có ý kiến gì nếu ngân hàng xử lý tài sản thế chấp.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà H trả cho Ngân hàng số tiền 220.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thuỳ D không có yêu cầu gì nên không giải quyết quyền và lợi ích của ông Thanh và bà Dung trong vụ án này.

Ngoài ra, cần buộc ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” . Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn, đề tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Do vậy, Tòa án không tiến hành công khai chứng cứ, hoà giải đối với các đương sự được.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227,

khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 29 tháng 06 năm 2018, vợ chồng ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H có ký đồng tín dụng số: 01/2018/8987302/HDTD với Ngân hàng Đ Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng Giao dịch E để vay số tiền là 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu đồng); lãi suất 11,9%/năm, có điều chỉnh khi có sự thay đổi lãi suất cho vay của BIDV tại thời điểm điều chỉnh; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 29/06/2018, ngày đến hạn trả nợ là ngày 29/06/2019.

Căn cứ kết luận giám định số 118/KLGD-PC09 ngày 26/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận chữ ký, chữ viết mang ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H ở phần đại diện bên vay, trong Giấy uỷ quyền đề ngày 05/02/2017, Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8987032/HĐTD đề ngày 29/6/2018, so với chữ ký, chữ viết mang tên ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6230070/HĐBĐ ngày 12/10/2015 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm lưu tại Ngân hàng và Hợp đồng uỷ quyền đề ngày 08/02/2018 giữa bên uỷ quyền là bà Bùi Thị Thu H và bên được uỷ quyền là ông Đặng Hữu T do ngân hàng cung cấp, xác định do ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H cùng ký và viết ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng với ông Đặng Hữu T, bà Bùi Thị Thu H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015. Khi thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản, nhưng ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền là **325.615.356 đồng**. Trong đó nợ gốc 220.000.000 đồng; nợ lãi và phí chậm trả tạm tính đến ngày 30/9/2021 là: 105.615.356 đồng; cụ thể: lãi trong hạn: 26.180.000 đồng, đã trả 8.750.575 đồng, còn lại 17.429.425 đồng; nợ lãi quá hạn: 88.653.370 đồng, đã trả 4.000.000 đồng, còn lại 84.653.370 đồng; Phí chậm trả lãi: 3.532.561 đồng.

Buộc vợ chồng ông T và bà H phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết;

[3] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng nói trên, ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2015/6230070/HĐBĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng Giao dịch E, tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BX 448833 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 09 tháng 10 năm 2015, đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.965 m² (đất ở 400 m², đất

trồng cây lâu năm 2.565 m²); địa chỉ thửa đất tại địa chỉ thôn 6, xã Ea Hiao, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được xác lập tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 325 của Bộ luật Dân sự; điểm a Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm. Do vậy, đây thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên các tài sản thế chấp được bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi vợ chồng ông T và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ như đã cam kết.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án, trên diện tích đất ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H thế chấp có ông Nguyễn Văn Thanh và bà Nguyễn Thị Thuý Dung, địa chỉ thôn 6, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đang quản lý sử dụng. Ông Thanh, bà Dung cho rằng có mua bán giấy tay một phần diện tích đất là 1.700 m² với ông Đặng Hữu T vào năm 2017. Toà án tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thuý D, ông Th và bà D không yêu cầu Toà án giải quyết quyền lợi của ông Th bà D. Nếu Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, ông Th và bà D không có ý kiến gì. Ông Th và bà D sẽ giải quyết nội dung này riêng với ông T. Do vậy, Toà án không giải quyết quyền lợi của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thuý D trong vụ án này. Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thuý D có quyền khởi kiện ông Đặng Hữu T trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về chi phí tố tụng :

Do bị đơn vợ chồng ông Đặng Hữu T, bà Bùi Thị Thu H được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do nên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Đặng Hữu T, bà Bùi Thị Thu H trong tài liệu về công nợ cung cấp lưu hồ sơ vụ án và nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.670.000 đồng. Căn cứ kết luận giám định của phòng khoa học kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định số tiền là 5.670.000 đồng theo Điều 159, khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả 5.670.000 đồng này cho nguyên đơn.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 2.000.000 đồng.

[6]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm c khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 157 và khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 325; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào điểm a Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

1/ Buộc vợ chồng ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng giao dịch E tổng số tiền **325.615.356 đồng**; trong đó nợ gốc 220.000.000 đồng; nợ lãi và phí chậm trả lãi phát sinh đến ngày 30/9/2021 là: 105.615.356 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng giao dịch E.

2/ Trường hợp ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ như đã cam kết cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng giao dịch E, thì tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/623070/HĐBĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng Giao dịch E được xử lý theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3/ Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H liên đới phải chịu 5.670.000 đồng tiền chi phí giám định và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí thẩm định tài sản. Ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng giao dịch E số tiền 5.670.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) tạm ứng chi phí giám định và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí thẩm định tài sản.

4/ Về án phí: Ông Đặng Hữu T và bà Bùi Thị Thu H phải chịu 16.280.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam số tiền 7.030.000 (Bảy triệu không trăm

ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí do Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số AA/2019/0012487, ngày 25 tháng 02 năm 2021.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện E;
- THADS huyện E;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy